BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	**LUẬT HIẾN PHÁP**
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	**Constitution Law**
1.3 Trình độ đào tạo:	**Đại học**
1.4 Định hướng đào tạo:	**ứng dụng**
1.5 Mã học phần:	**011239**
1.6 Số tín chỉ:	**2**
1.7 Thuộc khối kiến thức:	**Kiến thức cơ sở ngành**
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	**15**
- Bài tập, thảo luận:	**0**
- Thực hành tích hợp:	**15**
- Tự học:	**70**
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	**Khoa Kinh tế - Luật/Bộ môn Luật**
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	**Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật**
- Học phần song hành:	**Không**

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Chính quyền địa phương.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp và trình bày được cơ sở hình thành nên các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến của Việt Nam, giải thích được các vấn đề cơ bản trong Hiến

pháp, vận dụng các kiến thức về Luật hiến pháp để đánh giá về các quy định trong Hiến pháp hiện hành, có thái độ tôn trọng pháp luật và sự hiểu biết đúng đắn về đặc thù của Hiến pháp Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:** Môn học Luật hiến pháp nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, vị trí của Luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam và lịch sử hình thành nên các bản hiến pháp của Việt Nam; những chế định cơ bản của hiến pháp.
- **Về kỹ năng**: Học phần giúp sinh viên đạt những kỹ năng: giải thích được tính kết nối giữa Luật hiến pháp và các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam; giải thích được quan điểm, chính sách pháp luật của Việt Nam qua các thời kỳ thông qua các bản hiến pháp trong lịch sử lập hiến, vận dụng những kiến thức về Luật hiến pháp để đánh giá tính hợp hiến của hành vi và các văn bản pháp luật khác.
- **Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:** Học phần giúp sinh viên có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: nhận thức được tầm quan trọng của Luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật; tôn trọng Hiến pháp; phòng chống các biểu hiện và hành vi vi hiến.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Trình bày khái niệm cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp và nhắc lại được cơ sở hình thành nên các bản hiến pháp trong lịch sử lập hiến của Việt Nam
CLO2	Xác định được các vấn đề cơ bản trong hiến pháp như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan trong Bộ máy nhà nước Việt Nam
CLO3	Xác định, giải thích được nội dung cốt lõi của các chế định cơ bản trong Hiến pháp, sự thay đổi về nội dung điều chỉnh qua mỗi bản Hiến pháp
CLO4	Chỉ ra được mối liên quan mật thiết giữa Hiến pháp với các văn bản pháp luật khác.
CLO5	Vận dụng các kiến thức về Luật hiến pháp để đánh giá về các quy định trong Hiến pháp hiện hành
CLO6	Thực hành nhận xét sự phù hợp với Hiến pháp của một số hành vi và các văn bản quy phạm pháp luật.
CLO7	Tôn trọng Hiến pháp và pháp luật; phòng chống các biểu hiện và hành vi vi phạm Hiến pháp

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	**PLO1**	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**
CLO 1	I									
CLO 2	I									
CLO 3	I									
CLO 4	I									
CLO 5					R					
CLO6					R					
CLO7									R	
Tổng hợp học phần	I				R				R	

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.*
- *R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*
- *A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.*

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	**Nội dung**	**Hình thức tổ chức dạy-học**	**Phương pháp giảng dạy – học tập**	**Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp**
		GIỜ LÊN LỚP		

		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1	**CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP VÀ LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM** 1.1 Hiến pháp – Đạo luật cơ bản của nhà nước 1.1.1 Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của hiến pháp 1.1.2 Các giai đoạn phát triển của hiến pháp 1.1.3 Cấu trúc hiến pháp 1.1.4 Phân loại hiến pháp 1.1.5 Quy trình làm hiến pháp, sửa đổi hiến pháp 1.1.6 Các mô hình cơ quan bảo hiến 1.2 Sự ra đời và phát triển của nền lập hiến Việt Nam 1.2.1 Tư tưởng lập hiến trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 1.2.2 Hiến pháp	3	1			10	**-Giảng viên:** + Thuyết giảng + Hướng dẫn nội dung bài học, đặt câu hỏi tình huống pháp lý có liên quan theo mỗi nội dung bài học + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, thuyết trình,… **- Sinh viên:** + Nghe giảng, ghi chép và đặt câu hỏi (nếu có) + Thảo luận, làm bài tập, trả lời câu hỏi do GV đưa ra	- Đọc giáo trình từ trang 39 đến trang 56 - Câu hỏi chuẩn bị: 1. Vì sao hiến pháp được xem là đạo luật cơ bản của bất kỳ nhà nước nào? 2. Nhận xét về các mô hình cơ quan bảo hiến trên thế giới và đánh giá mô hình bảo hiến tại Việt Nam?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	năm 1946 1.2.3 Hiến pháp năm 1959 1.2.4 Hiến pháp năm 1980 1.2.5 Hiến pháp năm 1992 1.2.6 Hiến pháp năm 2013							
Tuần 2	**CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ** 2.1 Khái niệm chế độ chính trị 2.2 Chính thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.3 Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.4 Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.5 Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc của nước Cộng hòa xã hội	2	2			10	**-Giảng viên:** + Củng cố kiến thức cho sinh viên, chỉnh sửa bài thuyết trình; + Hướng dẫn nội dung bài học, đặt câu hỏi tình huống pháp lý có liên quan theo mỗi nội dung bài học + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, thuyết trình,… **- Sinh viên:** + Thuyết	- Đọc giáo trình từ trang 121 đến trang 152 và từ trang 209 đến trang 242 -Câu hỏi chuẩn bị: 1. Bản chất và mục đích của nhà nước ta là gì? Hãy phân tích 2. Quyền lực nhà nước và các hình thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước được thể hiện như thế nào trong HP

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	chủ nghĩa Việt Nam 2.6 Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **CHƯƠNG 3: QUỐC TỊCH VIỆT NAM** 3.1 Khái niệm quốc tịch 3.2. Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới 3.3. Những vấn đề cơ bản trong pháp luật quốc tịch Việt Nam						trình theo chủ đề +Nghe giảng, ghi chép và đặt câu hỏi (nếu có) + Thảo luận, làm bài tập, trả lời câu hỏi do GV đưa ra	2013? 3. Nguyên tắc hưởng quốc tịch Việt Nam là gì?
Tuần 3	**CHƯƠNG 4: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN** 4.1 Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền con người	1	3			10	**-Giảng viên:** + Củng cố kiến thức cho sinh viên, chỉnh sửa bài thuyết trình; + Hướng dẫn nội dung bài học, đặt câu hỏi tình	-Đọc giáo trình từ trang 243 đến trang 288 -Câu hỏi chuẩn bị: 1. Phân tích nhóm quyền dân sự theo Hiến pháp 2013?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	4.2 Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.3 Những nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.4 Quyền con người theo Hiến pháp 2013 4.5 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 4.6 Sự phát triển chế định quyền con người, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản Hiến pháp VN						huống pháp lý có liên quan theo mỗi nội dung bài học + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, thuyết trình,… **- Sinh viên:** + Thuyết trình theo chủ đề +Nghe giảng, ghi chép và đặt câu hỏi (nếu có) + Thảo luận, làm bài tập, trả lời câu hỏi do GV đưa ra	2. Phân tích nhóm quyền chính trị theo Hiến pháp 2013? 3. Phân tích nhóm quyền kinh tế - văn hóa - xã hội theo Hiến pháp 2013?
Tuần 4	**CHƯƠNG 5: KHÁI QUÁT**	2	2	0			**-Giảng viên:** + Củng cố	-Đọc giáo trình từ trang

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 5.1 Khái niệm về bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.2 Bộ máy Nhà nước Việt Nam qua 5 bản Hiến pháp 5.3 Các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **CHƯƠNG 6: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ** 6.1 Khái niệm chế độ bầu cử 6.2 Các nguyên tắc bầu cử 6.3 Tiến trình của một cuộc bầu cử 6.4 Việc bãi nhiệm đại biểu					10	kiến thức cho sinh viên, chỉnh sửa bài thuyết trình; + Hướng dẫn nội dung bài học, đặt câu hỏi tình huống pháp lý có liên quan theo mỗi nội dung bài học + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, thuyết trình,… **- Sinh viên:** + Thuyết trình theo chủ đề +Nghe giảng, ghi chép và đặt câu hỏi (nếu có) + Thảo luận, làm bài tập, trả lời câu hỏi do GV	289 đến trang 360 - Câu hỏi thảo luận: 1. Thực tế thực hiện những nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay. 2. Mô hình bộ máy nhà nước qua các bản Hiến pháp. 3. Tiến trình một cuộc bầu cử theo pháp luật hiện hành. 4. Điểm mới của Luật bầu cử hiện hành.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
							đưa ra.	
Tuần 5	**CHƯƠNG 7: QUỐC HỘI** 7.1 Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội Việt Nam 7.2 Vị trí, tính chất và chức năng của Quốc hội 7.3 Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội 7.4 Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 7.5 Các cơ quan giúp việc của Quốc hội 7.6 Kỳ họp Quốc hội, Đại biểu Quốc hội **CHƯƠNG 8: CHỦ TỊCH NƯỚC** 8.1 Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ náy nhà nước 8.2 Thẩm quyền của Chủ tịch	3	1			10	-Giảng viên: + Củng cố kiến thức cho sinh viên, chỉnh sửa bài thuyết trình; + Hướng dẫn nội dung bài học, đặt câu hỏi tình huống pháp lý có liên quan theo mỗi nội dung bài học + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, thuyết trình,… - Sinh viên: + Thuyết trình theo chủ đề +Nghe giảng, ghi chép và đặt câu hỏi (nếu có) + Thảo luận,	-Đọc giáo trình từ trang 289 đến trang 360 Đọc giáo trình từ trang 399 đến trang 436 Câu hỏi thảo luận: 1. Mối quan hệ pháp lý giữa Chủ tịch nước với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2. Vấn đề đổi mới Chủ tịch nước.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	nước 8.3 Việc bầu Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước 8.4 Hội đồng quốc phòng và an ninh						làm bài tập, trả lời câu hỏi do GV đưa ra	
Tuần 6	**CHƯƠNG 9: CHÍNH PHỦ** 9.1 Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ Việt Nam 9.2 Vị trí, tính chất và chức năng của Chính phủ 9.3 Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ 9.4 Cơ cấu, tổ chức của Chính phủ 9.5 Các hình thức hoạt động của Chính phủ **CHƯƠNG 10: TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN**	3	2			10	**-Giảng viên:** + Củng cố kiến thức cho sinh viên, chỉnh sửa bài thuyết trình; + Hướng dẫn nội dung bài học, đặt câu hỏi tình huống pháp lý có liên quan theo mỗi nội dung bài học + Hướng dẫn sinh viên thảo luận, thuyết trình,… **- Sinh viên:** + Thuyết trình theo	Đọc giáo trình từ trang 489 đến trang 568 Câu hỏi thảo luận: 1. Làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong thực tiễn? 2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của TAND, VKSND? 3. Định hướng đổi mới Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	DÂN 10.1 Sự hình thành và phát triển 10.2 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn 10.3 Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động 10.4 Hệ thống và cơ cấu tổ chức 10.5 Thẩm phán, hội thẩm, thư ký tòa án, thẩm tra viên, Kiểm sát viên, kiểm tra viên						chủ đề +Nghe giảng, ghi chép và đặt câu hỏi (nếu có) + Thảo luận, làm bài tập, trả lời câu hỏi do GV đưa ra	
Tuần 7	**CHƯƠNG 11: CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN** 11.1 Vị trí, tính chất, chức năng của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 11.2 Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân	1	4	0		10	- GV: Thuyết giảng, điều hành thảo luận, thuyết trình của sinh viên - SV: + Nghe giảng, ghi chép, thảo luận, làm bài tập, trả lời câu hỏi do	-Đọc giáo trình từ trang 437 đến trang 488 -Câu hỏi thảo luận: 1. Mối quan hệ pháp lý giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với chính quyền địa phương?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
	11.3 Tổ chức và các hình thức hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân						GV đưa ra	2. Định hướng đổi mới Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân?
Tổng		15	15			70		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: *(tối đa 3 quyển)*

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật hiến pháp, NXB CAND, 2017.

[2] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2019.

6.2 Tài liệu tham khảo: *(tối đa 5 quyển)*

- **Sách**

[1] Tô Văn Hòa, Nghiên cứu so sánh Hiến pháp các quốc gia Asean, NXB Chính trị quốc gia, 2015.

[2] Trần Thị Diệu Oanh, Về tác động của phân cấp quản lý đến địa vị pháp lý của chính quyền địa phương trong đổi mới tổ chức hoạt động bộ máy nhà nước, NXB Chính trị quốc gia, 2013.

[3] Lưu Đức QuangNguyên tắc hiến pháp về quyền con người và quyền công dân, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2017.

- **Văn bản quy phạm pháp luật:**

[1] Hiến pháp Việt Nam năm 2013

[2] Hiến pháp Việt Nam năm 1946, Hiến pháp Việt Nam năm 1959, Hiến pháp Việt Nam năm 1980, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)

[3] Luật tổ chức quốc hội 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Quốc hội năm 2020

[4] Luật tổ chức chính phủ 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính chính quyền địa phương năm 2019
[5] Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014
[6] Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014
[7] Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính chính quyền địa phương năm 2019

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CĐR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	**Điểm chuyên cần:** Sinh viên đi học thường xuyên, không vắng quá 20% số buổi học và tích cực tham gia các hoạt động của lớp mà GV phân công	- Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp. - Đánh giá thái độ tích cực, chủ động tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi/bài tập - Đánh giá tính kỷ luật và kỹ năng làm việc nhóm.	CLO7	10%
2	**Thuyết trình:** Tùy vào sỉ số lớp, GV sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Đến chủ đề của nhóm nào, nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác,	- Đánh giá tinh thần chủ động, tích cực của sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin, kiến thức liên quan đến học phần. - Đánh giá kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng công nghệ và vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải nội dung môn học. - Đánh giá được tri thức của sinh viên thông qua quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tố	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	30%

	phản biện trước lớp học. GV sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.	chất cá nhân được phối hợp.		
3	**Kiểm tra giữa kỳ:** Kiểm tra giữa kì 60 phút bằng hình thức nhận định đúng/sai giải thích và bài tập tình huống, nội dung	- Đánh giá khả năng tra cứu và vận dụng các quy phạm pháp luật trong nội dung môn học. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng các tình huống cụ thể. - Đánh giá khả năng phân tích tình huống pháp lý và kỹ năng giải quyết tình huống. - Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	60%
	TỔNG			**100%**

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CĐR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1. BÀI THI: NHẬN ĐỊNH + BÀI TẬP - Bài thi 60 phút, bao gồm 06 câu hỏi nhận định và 1-2 câu hỏi/ bài tập tự luận. - Câu hỏi nhận định/trắc nghiệm: 06 câu nhận định, đúng/sai và giải thích vì sao. - Câu hỏi/Bài tập tự luận: vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi/bài tập liên quan trong phạm vi	**Đánh giá về kiến thức:** - Đánh giá khả năng hiểu và vận dụng các vấn đề pháp lý về luật Hiến pháp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	**70%**
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng phân tích, lập luận để giải quyết tình huống. - Đánh giá được khả năng vận dụng tổng hợp được các kiến thức đã học để giải quyết tình huống. - Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân.	CLO5 CLO6	**20%**
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Đánh giá tính tích cực, chủ	CLO7	**10%**

môn học.	động, sáng tạo trong việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.		
Tổng			**100%**

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự các buổi thảo luận, phản biện nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần

8.2 Quy định về hành vi lớp học

- Sinh viên tham gia lớp học với tinh thần nghiêm túc, cầu thị.
- Sinh viên không làm việc riêng trong thời gian lên lớp, chỉ sử dụng các thiết bị phụ vụ cho nội dung học và hoạt động tương ứng trong từng buổi học.

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần .
- Sinh viên không tham gia làm bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này.
- Các bài tập nhóm, cá nhân phải tuân thủ theo mẫu và thời hạn nộp theo quy định của giảng viên.
- Sinh viên không tham dự kỳ thi cuối kỳ bị coi là không hoàn thành học phần.

9. HOLISTIC RUBRIC

9.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	**CĐR**	**Tỷ lệ**	**Mức chất lượng**			
			Không đạt	**Đạt**	**Tốt**	**Rất tốt**
			0 – 4.9	*5.0 – 6.9*	*7.0 – 8.4*	*8.5 – 10*
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO7	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO7	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

9.2. Rubric đánh giá kết quả hoạt động thuyết trình

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	**Đạt**	**Tốt**	**Rất tốt**
			0 – 4.9	*5.0 – 6.9*	*7.0 – 8.4*	*8.5 – 10*
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO7	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bố cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO5 CLO6	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO5 CLO6	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

9.3. Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận (giữa kỳ và cuối kỳ)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	*5.0 – 6.9*	*7.0 – 8.4*	*8.5 – 10*
Mức cơ bản	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60%	Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Mức nâng cao	CLO5 CLO6	40%				

9.4. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cặn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	*3.5 - 4.9*	*5.0 - 6.9*	*7.0-8.4*	*8.5-10*
CLO1	15%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO2	20%					
CLO3	20%					
CLO4	15%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	10%					
Tổng điểm	**100%**					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Hiệu trưởng	**Trưởng khoa**	**Trưởng bộ môn**
TS. Nguyễn Văn Hiến	Đặng Thị Phúc	Tô Thị Đông Hà